

## BỮU ĐÌNH – NHÀ VĂN, CHIẾN SĨ TRÊN MẶT TRẬN TƯ TƯỞNG

TRƯƠNG THỊ LINH\*

### TÓM TẮT

*Bưu Đình không chỉ là một nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng mà còn là một trong những nhà văn tiêu biểu ở Nam Bộ đầu thế kỉ XX. Ông dùng văn chương để đấu tranh kêu gọi canh tân đất nước theo khuynh hướng của Phan Bội Châu. Một số tiểu thuyết của ông đã góp phần vào việc hình thành và phát triển văn xuôi quốc ngữ. Bài viết này giới thiệu khái quát một số đóng góp cơ bản nhất của Bưu Đình trên phương diện xã hội và văn chương.*

**Từ khóa:** Bưu Đình, văn học Nam Bộ, báo Tân thế kỉ.

### ABSTRACT

#### *Buu Dinh – a writer and soldier on the ideological front*

*Buu Dinh was not only a famous revolutionary activist but also a typical writer in the early twentieth century in the South of Vietnam. His works were used to fight for the reformation of the country following the school of Phan Boi Chau. Some of his novels made great contributions to the formation and development of the national language prose. This article presents an overview of some of his contributions to both society and literature.*

**Keywords:** Dinh Buu, literature of the South of Vietnam, New Century newspaper.

### 1. Giới thiệu

Để có một cái nhìn cụ thể hơn về cuộc đời và văn nghiệp của ông, chúng ta có thể tham khảo bài viết “Bưu Đình, từ ‘tổ ấm quý tộc’ đến trường học cách mạng” trong quyển *Chân dung văn học*. Hoài Anh đã viết về ông: “Đời Bưu Đình là cuộc đời đấu tranh của một chiến sĩ cách mạng, ông không coi việc viết tiểu thuyết như một hoạt động dấn thân, mà chỉ viết trong khi “tạm nghỉ bước tung hoành nơi nhà tù” [1, tr.202]. Thế nhưng, giá trị của những trang viết của ông không hề nhỏ. Năm 2004, Nguyễn Thị Trúc Bạch đã nêu rõ hơn về chân dung, diện mạo cũng như sự nghiệp sáng tác của ông khi liệt kê một thư mục có phần

hoàn chỉnh những sáng tác của nhà văn, đồng thời tóm tắt ba tiểu thuyết tiêu biểu: *Mảnh trăng thu*, *Đám cưới cậu Tám lợ* và *Một thiên tuyệt bút trường hận* (Tiểu thuyết Nam Bộ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, 2004 do Nguyễn Kim Anh chủ biên). Năm 2005, luận văn tốt nghiệp của Nguyễn Trang Dung, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP HCM với đề tài: *Đóng góp của báo Phụ nữ tân văn trong việc hình thành nền văn học mới* đã dành một phần chương 3 để khẳng định những đóng góp về mặt nghệ thuật xây dựng nhân vật, kết cấu... được thể hiện qua những sáng tác của Bưu Đình, công trình nghiên cứu này cũng chỉ mới đề cập 3 tác phẩm kê trên và một vài công trình khác có nhắc đến ông.

Comment [u1]: mạng

Deleted: mạnh

Comment [u2]: hoành

Deleted: g'

\* ThS, Trường Đại học Thủ Dầu Một

## 2. Tiểu sử

Nguyễn Phước Bửu Đình (1903-1931) là cháu của hoàng tử Tịnh Gia – con trai thứ 49 của vua Minh Mạng. Cha của ông làm một chức quan nhỏ tại Bình Thuận, gia cảnh bần hàn. Thuở nhỏ, ông ở với gia đình và học tiểu học tại Phan Thiết. Năm 14 tuổi ông về học ở Trường Quốc học Huế, học đồng thời chữ Nho và Pháp. Người thanh niên này vì ý thức rõ chế độ quan lại thối nát, mục ruỗng, chán ngấy với chế độ quan trường nên sau khi thôi học, ông không ra làm quan mà về Cam Ranh vừa dạy học tư vừa tự trau dồi kiến thức. Sau đó, ông vào Sài Gòn làm nhân viên trong sở Bưu điện, kiêm Tổng thư kí hội Ái Hữu, chuyên viết bài đăng báo phê phán chế độ quan trường triều Nguyễn và chính sách cai trị hà khắc của thực dân Pháp đối với nhân dân ta.

Nguyên vì ông thể hiện sự bất bình trước những bất công trong cơ quan với đồng nghiệp trong một buổi tiệc tiễn bạn nên bị phạt phải chuyển công tác ra vùng núi Chứa Chan làm việc (nay thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai). Đây là một vùng núi đầy sơn lam chướng khí, thời tiết khắc nghiệt lại thêm xa Sài Gòn nên sau 8 ngày ông đã xin nghỉ việc, về lại Sài Gòn chuyên tâm viết báo: “*Nguyên trong một bữa tiệc đưa bạn đồng nghiệp đi tham quan. Tôi có ý bất bình về sự bất công trong sở. Tôi đang nói mấy lời với bạn rồi nhân dịp ấy công kích đũa cắm cây chỉ vì lợi mà không vì nghĩa, chỉ vì phe đảng mà không vì công bình. Nói chỉ bấy nhiêu đó mà sinh ra thù hiềm*” phải mắc “8 ngày tai nạn” [9].

Đáng lòng trước nỗi nhục mắt

nước, trước tinh thần bạc nhược của thanh niên nước nhà, ông đã viết những bài xã luận kêu gọi lòng tự tôn dân tộc, tự hào truyền thống bất khuất hiên ngang của cha ông. Được chủ nhân báo Tân thế kỉ (TTK), Cao Chánh, giao làm chủ bút, với bút danh Hà Trì, Liên Chiêu, Bửu Đình đã viết liên tục: *Vì sao ta phải lo việc nước, Dân tộc Việt Nam không phải là một dân tộc hèn, Mấy lời tâm huyết đồng bào ta cần phải biết phán đoán, Trăng ám vì mây, Giã dối, Ta phải bền chí, Thế nào là đại trượng phu, Phải biết nhục mà rửa nhục...* Tác giả Cao Chánh viết về ông: “Ông là người rất thông tuệ, mà cái tánh tình, cái tư cách, cái tâm địa, thời giá sanh ở nước văn minh nào cũng là liệt vào hạng thượng lưu”<sup>1</sup>.

Trong một chuyến công cán đi dọc miền Trung về Huế, ông đã thấy và cảm nhận nhiều về sự khốn cùng và mê tín của nhân dân, đồng thời sự bóc lột thậm tệ của bọn quan lại triều đình thối nát chỉ muốn vợ cho đầy túi, thương dân nhưng không thể làm gì, trong lòng ông dấy lên nỗi xót xa vô hạn. Những điều này đều được ông ghi lại một cách rõ ràng trong tập bút kí: *Tám tháng ở Huế* đăng trên TTK (1926). Trong đó, ông đã kể về cuộc gặp gỡ Phan Bội Châu, diễn thuyết trong buổi kỉ niệm một năm ngày mất chí sĩ Phan Châu Trinh... và kể cả việc ông bị Tôn Nhân Phủ mời lên cảnh cáo. Cũng vì chuyện này mà ông bị bắt và bị tuyên án 9 năm tù khổ sai, đày ra Côn Đảo, bị gán cho cái tội lường gạt, buộc phải lột chữ “Bửu”, lấy họ mẹ là “Tạ”: “Tội của ông là lường gạt, hãm dọa để lấy tiền”<sup>2</sup>. Dù ở

tù nhưng ông vẫn sống và say mê sáng tác. Hàng loạt tác phẩm dày dặn của ông đã ra đời trong thời gian này, tất cả đều được Phụ Nữ tân văn đăng trọn, như: **Mảnh trăng thu, Câu Tám Lọ, Đám cưới câu Tám Lọ...** Cuối cùng, ông mất tích khi tìm cách trốn thoát khỏi Côn Đảo lúc mới 32 tuổi.

### 3. Bửu Đình – chiến sĩ

Cũng như những nhà Nho, trí thức khác, Bửu Đình dùng ngòi bút đấu tranh chống chế độ thực dân nửa phong kiến bên cạnh hoạt động diễn thuyết. Qua hệ thống tư liệu còn lại, chúng tôi nhận thấy, ông chỉ đấu tranh nhằm cải tạo chế độ phong kiến chứ chưa có ý thức đánh đổ nó như sau này Đảng ta đã chỉ đạo. Tư liệu gồm những nội dung sau:

(i) Phê phán tầng lớp quan lại hủ lậu, biến chất, một lũ tham quan ô lại hiện lên trong những bài xã luận của ông một cách rõ ràng, chân thực. Ông nêu lên một thực tế: Việc thi cử để chọn người tài ra giúp nước chỉ là hữu danh vô thực, bởi lẽ ai có tiền thì bỏ ra mua chức quan, tiền ít thì quan nhỏ, tiền lớn thì quan to. Thế cho nên bọn chúng là một lũ sâu dân một nước: tìm mọi cách để nặn hầu, bóp cổ nhân dân, truy tìm con gái nhà lành về làm hầu non, rồi thuốc phiện, rồi tổ tôm...

Ông bày tỏ ý kiến của mình một cách thẳng thắn về tình hình quan lại nước nhà: “Lũ người xử tội con người xem rất ghê gớm thay. Công bình chánh trực ở đâu mà ta thấy kim tiền có cái ma lực mạnh lạ lùng làm cho lòng người tối lòng, đen dạ. Ai là người công tâm trong xã hội, ai là người giữ luật trị dân. Cần

làm sao mà đầu non, đầu già. Cần làm sao mà có thân có sơ. Hèn chi câu nói tiền bạc đi trước, mực thước theo sau rất đúng. Trị dân làm sao mà không cho dân bàn luận đến mình. Trị dân làm sao mà dân khổ cực không hay. Chỉ ngày đêm vui với vợ hầu, khi tổ tôm, khi tài bàn, miếng ăn ngon, mặc đẹp là đủ.” [9].

Nước ta, với điều kiện thiên nhiên ưu đãi, rừng vàng biển bạc, thiết tưởng điều đó sẽ khiến nước mạnh, dân cường: “Ngoài từ Thăng Long thành, trong đến Gia Định tỉnh, dân 25 triệu, núi non hiểm trở, sông bể kì khu...” [6]. Thế nhưng, lũ sâu dân một nước chỉ chăm chăm tìm kiếm danh vọng vật chất mà không hề thương tưởng đến vận mệnh đất nước trong cơn nguy khốn: “... tưởng rằng mở mày mặt với năm châu, nào dè đâu còn mắc phải những hàng quan lại bóc lột dân nghèo, hãm hại người vô có, dối trên lừa dưới làm nhiều điều tàn bạo khiến cho trời hờn đất giận. Ngày nay ta thấy dân khí tiêu dần. Trên đã đành huấn giáo không lo, chỉ nhà cao cửa lớn, trộm cướp của báu của ông bà làm của riêng mình. Hàng quan lại thì chỉ mũ cho cao, áo cho rộng, vợ cho đẹp, hầu cho xinh, đi ra có người dạ, vào nhà có kẻ thưa. Mưu đồ lợi lộc, sùng bái chủ nghĩa cúi lòn. Còn dưới con dân thì mơ màng giấc mộng, tỉnh chưa tỉnh, say không say, dật dờ như hồn ma, nghĩ đáng á ngại cho dân ta” [6]. Ông gọi bọn chúng với danh xưng “một lũ” không hề kiêng dè: “Quan lại nước ta ngày nay là **một lũ** bù nhìn, một hàng phỗng đá, một mớ hủ lậu, đê hèn bất tri liêm sỉ”. Bởi vì, bọn chúng chỉ chăm chăm tìm cách bỏ đờ quan trên để kiếm

*tìm danh vọng mà không hề để tâm đến việc nước, việc dân: “giống khổ nhà tan các ngài không quản, lừa thầy dối bạn các ngài chẳng từ, đến đem vợ mình dâng người để cầu cạnh đôi chút các ngài cũng bằng lòng khấn lạy. Mục đích các ngài là tiền nhiều, nhà đẹp, mẽ đay có, bài nga to, ngòi xe cao su phình ngực, thờ phè, nguồn mặt, vênh râu, tự cao với bố cu mẹ đi...” [5].*

Ông khẳng định rằng nước nhà nguy khốn cũng do bọn tham quan ô lại mà ra: “...*Tướng đến lũ tham quan ô lại bao nhiêu thì cảm hờn bấy nhiêu. Nước nhà trở bước tiến hóa cũng tự nơi lũ ấy. Dân khôn thì có bao giờ bọn nó bóc lột được. Thôi, ta nên mời các cô, các chị, mỗi người cầm một cái chổi dài để quét sạch lũ sâu dân một nước ấy*” [9]. Như thế cũng chưa đủ để làm trong sạch đội ngũ quan lại, ông còn đòi hỏi phải quét sạch đám quan lại bất lực đó đi, đề: “*Ta dọn một con đàng thì ta phải phá bụi, bấc cầu, quét sạch gai chông thế thì lũ quan lại cần phải được cái ân huệ ấy là phải mượn một trận gió, một cơn mưa mà mời chúng nó về vui cùng trâu, ruộng... Hàng quan lại nghĩ sao hay là đợi nước đến chân mới nhảy?*” [5].

Không chỉ có thế, ông đang đàn diễn thuyết, phê phán, chống đối để quyền, khiến Tôn Nhân Phủ mời lên cảnh cáo. Dượng của ông, Tôn Thất Đạm hỏi tại sao chống quân chủ trong khi mình thuộc hoàng phái? Ông khẳng định không hề chống quân chủ với lí do nước ta chưa hề có hệ thống quân chủ, ông chỉ thừa nhận “*Tôi chỉ phá hại để quyền*” [9].

(ii) Giúp thanh niên thức tỉnh lòng tự

hào dân tộc: Một đất nước với bốn ngàn năm lịch sử vẫn giữ vững độc lập tự chủ dù phải trải qua bao cơn biển lửa, bị Trung Quốc đô hộ cả ngàn năm, song không lúc nào tinh thần dân tộc suy giảm. Một dân tộc với những chiến công oanh liệt gắn với những vị tướng tài mà quân giặc nghe danh phải khiếp vía kinh hồn, chẳng hạn: “*Kìa như Nhị Trưng, thanh gươm yên ngựa quyết ra tài cứu nước giúp dân. Kìa như bà Triệu Ẩu, cũng vì muốn đem đồng bang ra khỏi cơn nước lửa nên ngọn cờ tiếng trống lẫy lừng làm cho quân Chêch phải kinh hồn, bạt vía. Kìa ông Trần Hưng Đạo, ông Lê Thái Tổ, ông Ngô Quyền, ông Đinh Tiên Hoàng... thấy đều ra sức ra tài, bùn than chẳng ngại, sương tiết chẳng sờn, chỉ một lòng rửa mặt non sông, đem thân làm bia đỡ đạn. Kìa những lúc đánh Chiêm Thành, đuổi Chân Lạp, phá Cao Mên, nhục Xiêm La, trải biết bao nhiêu thời kì rục rở*” [6].

Trong *Việt Nam nhân vật điển ca*, ông dựng lên hình ảnh của hai Bà Trưng đẹp đẽ hào hùng: “*Hai bà hai ngựa hai thương/ Ngọn cờ báo phục tiếng đồn cứu dân*” và “*Thâu xong thành quách Cửu Chân/ Việt Nam hiệp phố cũng lần về theo*”, mục đích cuối cùng sẽ phải là: “*Vì dân trồng giống chuông kua/ Vì dân giục ngựa phát cờ xông lên...*” [10].

Đối tượng ông nhắm đến không chỉ là nam thanh niên mà còn là nữ lưu trong nước. Đây là bộ phận có đóng góp không nhỏ cho sự hưng thịnh, phồn vinh của quốc gia, dân tộc. Ông trích dẫn lời chí sĩ Phan Bội Châu khi giới thiệu tác phẩm mới *Giọt lệ tri âm* trên TTK: “*Nước ta lúc này cũng như một chiếc thuyền bồng*

linh đình trên bề khô, phải ba đào sóng gió dữ dội; nếu không khéo lái lèo thì phải nguy. Thế thì người trong thuyền bắt kì trai hay gái gì cũng phải lãnh một phần việc; người mạnh quay lái kéo buồm, kẻ yếu gay chèo tát nước, há lại vì hai chữ trai gái mà ngồi chờ chết hay sao?” [8]. Ông cũng kêu gọi: “Câu văn tâm huyết không dám gọi rằng tuyệt tác; chỉ xin mạng danh là lối văn có thể làm cho chị em đồng bào phải sa nước mắt mà tưởng đến bốn phận mình”.

Hàng loạt bài viết bày tỏ niềm hi vọng của ông về sự thức tỉnh của đồng bào, đồng chí về ý thức dân tộc, lòng tự tôn tự cường. Đau lòng trước sự “ì ạch” của nước nhà, trong khi: “*Mấy nước lân cận đều đi mau như gió thoảng, như mây bay, như chớp nhoáng chân trời, như sao sa mặt bể mà anh em bà con ta chỉ đờn cho hay, ca cho thạo, áo cho đẹp, giày cho xinh, rồi sớm lại trà đình, tối về từ điếm. Thường thì dường như vô tình với non nước ta. Tin vạn quốc như sấm dậy, như núi nghiêng, như biển tràn, như đất lở mà trong nước ta chỉ xao xác ba ngòi pháo đẹt rồi tình hình cũng lại lạnh ngắt như đồng. Nào ai chỉ lối dắt đường mà đi, chưa ngoài ba bước đã mỏi cẳng đau chân. Nào ai bớt nước thêm dầu mà sôi, chưa đầy mấy phút mà hết diêm tắt lửa*” [7]. Ông kêu gọi người dân đất Việt: “*Vậy thì bất kì ai, người nghĩa sĩ, khách văn chương, kẻ thượng lưu, hàn mặc, người hạ đẳng khừ khờ đều phải quan tâm đến. Quan tâm mà lo cho có phán đoán chính đáng để mưu cầu sự tiến hóa cho mình. Tất vì ai toan đổi đời, gạt bạn, bán nước mua danh thì đều không thoát*

*khỏi lời phán đoán của ta thế mới tránh khỏi sự hại rất to tát sau này*” [7].

Trong bài thơ ***Lưu đề bạn ở Huế***, ông khẳng định nhiệm vụ của một người đàn ông đối với dân tộc, quốc gia: “...*Đã đứng râu mày trong bốn bể/ Phải cho tên tuổi dậy năm châu/ Cánh bằng dong duổi non mù thăm/ Sức ngạc vẫy vùng bể rộng sâu...*”<sup>3</sup>.

(iii) Xây dựng khái niệm về cách làm người “đại trượng phu” với tấm lòng “tín thành”, “bền chí” và nhất là không được “giả dối”... để “*luôn kiên trì một tấm lòng son, một khối óc tinh anh để mưu đồ sự tấn hóa cho nước nhà*”. Trước thực tế Pháp đã mang vào nước ta một nền văn minh cơ khí với ánh sáng chói lòa của văn hóa hưởng thụ khiến thanh niên mới lớn bàng hoàng, tạm quên đi nỗi nhục mất nước, nên muốn thức tỉnh họ thì không gì bằng việc xây dựng lòng tự hào nơi họ, giáo dục khuynh hướng, ý thức tự cường dân tộc... thông qua những bài viết tâm huyết về cách làm người: ***Thế nào là đại trượng phu, Ta phải bền chí, Tín thành, Giả dối...***

Tác giả đặt ra những câu hỏi để xác định ***Thế nào là đại trượng phu?***<sup>4</sup>. Đại trượng phu có phải là những người có bằng cấp cao, tiền của muôn ngàn, được quốc dân kính phục, viết báo bênh vực quyền lợi nhân dân, làm bia đỡ đạn cho nhân dân... có phải là đại trượng phu? “*Thưa, chưa chắc!*”. Mà đại trượng phu phải là những người: “*Thưa, non dâu mòn, sông dâu cạn, nước có ngập tới chân trời, lửa dầu cháy lan mặt đất, biển giăng trước mặt, núi đón sau lưng, lười grom ba thước kê đầu, đồng vàng muôn*

*lượng trước mắt cũng không bao giờ kinh sợ hay là ham muốn. Tâm lòng thiết thạch chẳng bao giờ nhuốm chút hơi buồn. Thế mới gọi là đại trượng phu. Muốn ngàn đạo binh không đủ để làm cho khiếp nhược. Muốn ngàn sự khó khăn không đủ làm cho một nhọc thì mới là đại trượng phu. Kẻ đại trượng phu thấy chết cũng tươi cười, thấy nguy cũng vui vẻ, theo đuổi một chủ nghĩa cho đến kì cùng”<sup>4</sup>.*

Đại trượng phu là những người bền gan chí hơn tất cả chúng ta, dù cho xác thịt bị cầm tù nhưng tâm lòng, trí óc vẫn tự do lo cho dân cho nước: “*Kẻ đại trượng phu chỉ thành thật, người không bao giờ dối mình mà cũng không bao giờ dối ai, thấy dân đói khổ thì đau đớn, thấy dân hoang dã thì buồn bực. Thấy thời nhơn sung bát kim tiền thì tránh xa*”. Đại trượng phu là những con người khác tất cả các hạng người trong xã hội: Họ không khiếp sợ cường quyền, không ham danh lợi, là người có lòng thương người, không làm việc chỉ có lợi cho mình mà biết nghĩ về đại cuộc, biết cách xoay trở tình thế chuyển bại thành thắng, đồng thời họ cũng là những người rất bình tĩnh trong mọi tình huống. Không gì có thể làm cho họ kinh sợ, chí khí họ vẫn cao ngất: “*Quốc dân muốn cho người cao, tinh thần người vẫn cao tuyệt đỉnh mà người cứ giữ mình thấp. Cách mình chưa đủ tài đức để hóa dân mà không đổi ý, không sai đường, vẫn luôn kiên trì một tấm lòng son, một khối óc tinh anh để mưu đồ sự tấn hóa cho nước nhà*”. Dù cho “*Thân thể cát bụi đối với càn khôn mà vẫn mạnh hơn núi, cứng hơn sắt*

*không gì xoay xở được*”; điều quan trọng nhất đối với đại trượng phu là cho dù người ta có ca tụng lên tới mây xanh hoặc ngược lại bị thóa mạ, cười cợt thì người vẫn điềm nhiên tọa thị không hề vui hay giận. Họ không bao giờ giả dối để mưu cầu lợi lộc cá nhân, vả lại “*Kẻ đại trượng phu không run run sợ sợ, ngó trước dòm sau mà chối xuôi chối ngược*”, những việc gì mà mình làm thì kẻ đại trượng phu luôn đứng ra lãnh trách nhiệm.

Để trở thành một đại trượng phu không dễ, nhưng không phải không thể, muốn thế cần phải có lòng **Tín thành**, có được sự tin tưởng của người khác. Một con người mà không xây dựng được lòng tin nơi kẻ khác thì người đó rất cuộc cũng không làm được cái gì to tát ở đời.

Ngoài ra, ông còn dùng hoạt động diễn thuyết nhằm cổ vũ chủ nghĩa yêu nước, phê phán đế quyền, chống chủ nghĩa thực dân khiến triều đình không thể để yên, coi ông là đứa con nghịch tử của dòng dõi các vua Nguyễn.

#### **4. Bửu Đình – nhà văn**

##### **4.1. Sự nghiệp sáng tác**

Hoạt động sáng tác của ông rất đa dạng: thơ, truyện ngắn, kí sự, hát nói và có lẽ thành công nhất là thể tài tiểu thuyết. Bộ ba tiểu thuyết mang màu sắc trinh thám đăng trên Phụ nữ tân văn: **Mảnh trăng Thu** (1930), **Cậu Tám Lọ** (1931), **Đám cưới cậu Tám Lọ** (1934, chưa xong vì báo ngưng hoạt động) đã gây được tiếng vang lớn. Năm 1932, **Mảnh trăng thu** đã được tạp chí Kim Lai ở Huế xếp hạng 6 những tác phẩm hay nhất mọi thời đại, hạng nhất thuộc về

Truyện Kiều<sup>5</sup>. Do thế, không phải ngẫu nhiên mà nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường viết: “Văn chương Bửu Đình thật trong sáng và xúc động không ngờ, phải xúc động và hay như thế nào thì nhà xuất bản Nam Cường (Sài Gòn) mới tái bản vào năm 1953” [11].

Ngoài bộ ba tiểu thuyết vừa kể, trước đó trên các báo ở Nam Kỳ lần lượt đăng những tiểu thuyết khác của ông, đa số đều chưa kết thúc. Năm 1923, trên Nam Kỳ kinh tế báo đăng hai tiểu thuyết: *Cười ra nước mắt* (mang màu sắc trinh thám) và *Nghĩa tình khăng khải* (tâm lí xã hội). Năm 1924, nhà in Nguyễn Văn Việt, Sài Gòn xuất bản tiểu thuyết *Nỗi mẹ... tình con*. Trên TTK đăng các tiểu thuyết mang màu sắc tâm lí xã hội: *Mài một lưỡi gươm* (1926), *Trần Kim Quyên – Tình là dây oan* (1927), chỉ duy nhất *Tám lòng vàng đá* (1926) là được đăng trọn vẹn. Năm 1928, tiểu thuyết trinh thám *Trọng nghĩa thù thâm* được đăng trên Kỳ Lân báo. Năm 1931, Công luận báo đăng trọn vẹn tiểu thuyết *Một thiên tuyệt bút trường hận*.

Về đoàn thiên tiểu thuyết thì cho đến bây giờ, chúng tôi cũng chỉ tìm được 5 truyện: *Bạn hiền khó kiếm* (Đông Pháp thời báo, 1923), *Gái đầu có gái lạ lòng* (Nam Kỳ kinh tế báo, 1923), *Giọt nước chung tình*, *Giấc mộng*, *Vay trả lẽ trời* đều được đăng trên TTK năm 1926. Giá trị nội dung lẫn nghệ thuật của những tác phẩm này không có gì nổi bật.

Bên cạnh đó trên TTK, ông có một truyện thơ *Giọt lệ tri âm* (1926), một bút kí *Tám tháng ở Huế* (1927), một phóng tác lịch sử bằng thơ *Việt Nam nhân vật*

*diễn ca* (1926-1927) song tác phẩm này cũng chỉ đăng được hai số rồi không đăng nữa; một kí sự *Nhà Nguyễn* đăng trên Nam Kỳ kinh tế báo số 10 số (năm 1923-1924) và hàng loạt những bài viết xã luận đã nêu ở trên. Đồng thời ông còn sáng tác rất nhiều thơ thể hiện tâm tư tình cảm của mình trước thực tại cuộc sống.

Sau đây, chúng tôi trình bày đôi nét về nghệ thuật xây dựng nhân vật thông qua những sáng tác của ông.

## 4.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

### 4.2.1. Về kiểu loại nhân vật

Hệ thống nhân vật trong các sáng tác của ông đa dạng nhưng đặc biệt chúng tôi chú ý đến những nhân vật mang tầm vóc lớn lao, những anh hùng lịch sử, những nam nữ thanh niên mang hoài bão và tâm chí cứu đời, giúp nước bên cạnh những con người bình thường trong cuộc sống.

*Thứ nhất* là những nhân vật lịch sử, những vị anh hùng như Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... để nhắc nhở lịch sử hào hùng của dân tộc. Bên cạnh đó là những anh hùng thời hiện đại như Thanh Phong, Yinmaco và những người con nước Nhật ưu tú, vì nước quên thân mình với một tinh thần samurai hiếm thấy ở ngay cả lứa trẻ 11-12 tuổi, một bà mẹ già có ba con chết trận nhưng không hề nhỏ một giọt nước mắt vì: “... mỗi một giọt nước mắt rớt xuống tức là giảm bớt một nỗi đau đớn, nhưng giọt nước mắt hay làm cho xiêu gan anh hùng” trong *Mài một lưỡi gươm*. Người thiếu phụ trong *Giọt lệ tri âm* tiếc rằng mình là phận gái nếu không cũng theo chồng ra chiến tuyến

chiến đấu chống kẻ thù. Mạc Hàn Hoa, Quế Hương trong *Một thiên tuyệt bút trường hận* là những nữ anh hùng của thời đại, đấu tranh và hi sinh cho dân tộc cho đất nước mà không thương tưởng gì đến hạnh phúc cá nhân...

**Thứ hai**, trong những sáng tác của ông còn có những nhân vật phản diện: những kẻ luôn tìm cách hại người như Hồ Vĩ Quán, Lê Chí Thành trong *Cười ra nước mắt*; Định Kỳ Khôi vì tình duyên không thỏa chí mà tìm cách giết người hết lần này đến lần khác trong *Trọng nghĩa thù thâm* hoặc vu oan giá họa cho người như Huệ trong *Cậu Tám Lọ*; Nguyễn Việt Sung vì muốn gia tài của người mà hại người trong *Mảnh trăng thu*; những kẻ vì danh vì lợi mà quên đi tình nghĩa giữa con người với nhau trong *Gái đầu có gái lạ lòng*, *Trần Kim Quyên – tình là dây oan...*

**Thứ ba**, tác giả cũng không bỏ qua những nhân vật có hoàn cảnh éo le, mồ côi nhưng luôn cố gắng sống tốt, hướng thiện, vượt thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn như chàng Vương Quý Tộc trong *Nghĩa tình khăng khải*; không biết người thân là ai, bơ vơ đơn độc giữa cuộc đời, sống nhờ vào sự cứu mang đùm bọc của những người xa lạ như chị em Thanh Tiên trong *Tám lòng vàng đá...*

Ông cũng chú trọng xây dựng thế hệ những thanh niên Tây học. Họ rất hiện đại trong suy nghĩ, tư tưởng nhưng cách sống của họ cũng chưa thoát khỏi lối sống truyền thống, tình yêu của họ dù rất si mê nhưng cũng ở trong vòng lễ giáo phong kiến với những ước hẹn như Minh Đường và Kiều Tiên trong *Mảnh trăng*

*thu*. Tuy thế họ cũng sẵn sàng từ chối hôn nhân sắp đặt của cha mẹ để tìm đến tình yêu đích thực như Ngọc Sương trong *Trọng nghĩa thù thâm...*

Tuy nhiên, những trong tác phẩm của ông lại thiếu vắng những người lao động bình thường, có cuộc sống với những nỗi lo thường nhật của tầng lớp dưới trong xã hội.

#### 4.2.2. Về hình dáng nhân vật

Thời gian đầu, nhân vật trong tác phẩm của ông vẫn được miêu tả một cách ước lệ tượng trưng, sử dụng những cụm từ Hán Việt, những điển ngữ, điển cố, chú trọng phẩm cách hơn ngoại hình. Chẳng hạn đây là lời một người con tá mẹ mình trong *Nghĩa tình khăng khải* đăng trên Nam Kỳ kinh tế báo: “*Mẫu thân tôi chẳng phải nhan sắc ngư trầm, lạc nhận hoa thẹn liễu nhường chi mà phụ thân tôi yêu dấu, chẳng qua là vì yêu cái cử chỉ, cái nét hạnh của mẫu thân tôi mà thôi. Mẫu thân tôi chỉ có một lỗi sửa trị trong gia đình, trau dồi công hạnh, rồi câu phụ xướng, phụ tùy nên phụ nữ trong hương thôn thấy đều yêu quý kính trọng*”.

Càng ngày, các nhân vật không còn hiện lên với hình ảnh “vai năm tấc rộng thân mười thước cao”, “nét ngài, mày phụng”... nữa mà là sự gần gũi, ấm áp tỏa ra từ nhân vật. Nữ thì da trắng, tóc dài, môi đỏ..., nam thì nho nhã, trí thức... Chẳng hạn cách miêu tả vẻ đẹp đầy nội lực, trầm trồ, sầu thương của Kiều Tiên trong *Mảnh trăng thu*: “*...Một người đàn bà trạc chừng hai mươi ba hai mươi bốn, gương mặt tròn, khéo mắt rất đen, mà trong sáng long lanh, mũi nhỏ ngay thẳng như nét kẻ, hai má hơi tóp,*



miệng nhỏ mà hai cái môi đỏ như son... cái đẹp ấy dường như một bức tranh chiều hôm, nửa còn ánh mặt trời chiếu xuống hồng hồng, nửa còn bóng mặt trăng soi vào vàng vàng chứa chan cả mối tình cảm, muôn nỗi sầu tư". Hay đây là hình ảnh của một bé gái 12 tuổi: "Cô này cũng một khuôn mặt ấy, một vóc dáng ấy, cũng cặp con mắt đen mà sáng lóng lánh như sao, cũng là cặp lông mày cong vòng mà đen như mực". Một vẻ đẹp hứa hẹn một cái nhan sắc ngư trầm lạc nhận khi chín muồi: "Sau cửa sổ gương một người con gái mắt sáng mày xanh môi son da trắng, mặc áo vải quỳn trắng ngời trên ghé theo mặt gối. Nàng ấy là Thanh Tiên. Tóc nàng đã dài suông đuột, nét mặt xanh mét đã mất rồi nàng theo chăm chỉ không ngó ai" (**Tấm lòng vàng đá**). Miêu tả hình dáng của một người đàn ông trong đoàn thiên tiểu thuyết **Gái đầu có gái lạ lòng**: "...Thầy Lí đang mặc áo nhiễu Thượng Hải, quần nhiễu trắng, tóc chải ổ gà mắt sáng như gương thật là đẹp trai. Đã đẹp trai nhà cao cửa lớn, lúa ruộng đầy nữa bảo sao cô Liên Hoa chẳng đổi ý phụ khó theo giàu, phụ xấu theo đẹp!"...

Một vài nét chấm phá đơn sơ cho ta biết sự hiện diện của nhân vật một cách đơn giản, dễ hiểu với người bình dân Nam Bộ ít học, ít am hiểu về hệ thống ước lệ tượng trưng, tràn đầy điển cố, điển tích trong văn học cổ điển của dân tộc.

#### 4.2.3. Về cách sử dụng ngôn từ

Ngôn ngữ nhân vật chưa được cụ thể hóa. Các nhân vật chưa có những hệ thống ngôn từ riêng mà chỉ dùng chung chung. Đôi khi tác giả quá lạm dụng cách

thể hiện tính cách, khí chất của nhân vật mà khiến cường nhân vật nói ra những điều không phù hợp với độ tuổi của mình. Đây là lời của Thanh Tiên khi 12 tuổi: "Thưa cô em mừng lắm, em đội ơn cô nhiều lắm. Em không còn ai lo cho em nữa, em chỉ nhờ cái lòng quảng đại của người mà thôi. Cô lo cho việc em tròn thì em xin ở luôn với cô" (**Tấm lòng vàng đá**). Và đây là lời của những đứa trẻ Nhật Bản 12 – 13 tuổi: "Lúc này là lúc nước nhà hữu sự, những kẻ giàu có phải bỏ của ra giúp sao cô không nghĩ biết thương nước lại rong chơi vô lối như vậy?" (**Mài một lưỡi gươm**)...

Câu văn đã có dáng vẻ văn xuôi hiện đại được chọn lọc có ý thức tuy còn dùng nhiều từ Hán Việt, gây khó hiểu cho người đọc: "Một hôm nọ kí giả ngồi thuyền đi chơi cửa Thuận An, trước là **xem lí thú tự nhiên của người biển giả, sau để thừa lương ngoạn cảnh** vì ở kinh thành tiết hạ trời nóng nực lắm. Thuyền rộng chèo dài nghiêng ngang giữa dòng sông Hương Giang, nước biếc mây xanh, mặt nhật lộ vừa ra khỏi đầu non đưa ánh sáng chiếu vào mọi vật" (**Bạn hiền khó kiếm**).

Và lại, đôi khi ông cũng sử dụng câu văn mang màu sắc đả đố, biền ngẫu: "Chẳng can chi mà ái ngại, anh đây đã rõ biết cách ăn ở của nàng Huỳnh Nga, nàng đã tỏ dạ trọn hiếu với cha, trọn lành với bạn, thì có lo chi sau chẳng nên một người dâu thảo, một đấng vợ hiền. Nàng vốn dòng thế phiệt cử chí ra dáng con nhà, thật là nơi cao môn đối hộ, em còn lo ngại gì nữa. Một điều này là hệ trọng hơn hết, bác nay tuổi quá lục tuần,

*gần đất xa trời chưa biết hết cội tòng mấy tuổi. Em hãy tuân lệnh bác, chớ làm nhọc bác. Sau để nào em lại không biết cách cư xử cho trọn đạo vợ chồng hay sao?” (Bạn hiền khó kiếm).*

#### 4.2.4. Về tâm lí nhân vật

Những sáng tác đầu tay ông chưa khắc họa tâm lí nhân vật, hoặc nếu có thì cũng chỉ mờ nhạt không rõ nét. Nhân vật hiện lên bằng lời nói và việc làm chứ chưa có những tâm tư, dằn vặt nội tâm, những mâu thuẫn cần phải giải quyết một cách rõ ràng. Đôi lúc chỉ là những suy nghĩ đơn giản của nhân vật về nhân tình thế thái chứ chưa đi sâu phân tích tâm tư tình cảm cá nhân. Chẳng hạn, đây là tâm lí thường thấy của những kẻ lúc nào cũng chỉ nghĩ đến mình trong tiểu thuyết *Nghĩa tình khảng khái*: “...Thuốc thầy hay thật mà lòng dạ thầy rất nhỏ nhen, thầy không còn cái gì mà lại chẳng truyền cho ai, ai có xin học với thầy thầy cũng không dạy, ai có nói hành thầy, thầy cũng giả mắt ngơ tai điếc, thầy chỉ thờ hai chữ “thứ lợi” mà thôi. Thầy muốn thiên hạ gọi thầy là Đại danh y chớ thầy không muốn cho ai được như thầy. Uống thay vì một cái tiểu tâm ích kỉ của thầy mà đời nay chẳng đặng phương pháp hay ấy. Tức tối thay! Người nước ta xưa nay truyền nhiễm cho nhau tánh xấu ấy nên nước ta khó văn minh, lâu tiến hóa, ít mở mang!”

Tuy nhiên càng về sau tâm lí nhân vật càng được tác giả khắc họa khám phá những chiều sâu phức tạp trong tâm hồn con người. Nhất là những trang văn miêu tả tâm trạng yêu thương, nhớ nhung, ghen tuông của các nhân vật dành cho

nhau với chiều kích sâu lắng và dằn vặt không nguôi qua việc miêu tả ngoại hình, cảnh vật... thậm chí màn đối thoại giữa các nhân vật cũng làm toát lên nỗi lòng con người như Minh Đường – Kiều Tiên trong *Mảnh trăng thu, Cặp Tám Lọ*...

Cách kể chuyện cũng ngày một đa dạng trong việc thay đổi điểm nhìn trần thuật khiến câu văn sinh động, linh hoạt hơn, dễ đi vào miêu tả tâm lí nhân vật. Tác giả còn rất sáng tạo và cách tân khi thử nghiệm một loại kết cấu mới: cộng gộp những bức thư để thông qua đó kể một câu chuyện, khám phá tâm lí con người (*Trần Kim Quyên, tình là dây oan*). Ngoài ra, ông sử dụng các loại mâu thuẫn để làm sáng tỏ hơn các quan điểm sống đối lập nhau, chẳng hạn: mâu thuẫn về cách sống, về quan niệm sống giữa Thanh Tiên đối với Như Ý và Gia Khanh (*Tấm lòng vàng đá*); về hoài bão và ước vọng lớn lao cứu nước giúp đời với những kẻ chỉ nghĩ đến lợi ích riêng mình, đến hờn giận riêng mình mà tìm cách hại người như Lê Minh Trí đối với Thanh Phong (*Mãi một luôi guom*); mâu thuẫn về việc yêu mà không toại chí sinh ra hờn giận oán cừu của Lê Minh Trí đối với Trần Thanh Phong, đã cướp người yêu và là vợ sắp cưới của anh ta là Mỹ Ngọc (*Mãi một luôi guom*); của Ngọc Nương và Kim Nương vì tranh dành sự yêu thương của một người đàn ông mà đến nỗi một người phải bỏ mạng (*Cười ra nước mắt*); của một người con gái hiền lành, đằm thắm nết na vì tình phụ mà sinh ra khắc nghiệt, tìm mọi cách để trả thù kẻ đã làm mình phải khổ, lụy (*Trần Kim Quyên – Tình là dây oan*)...

#### 4. Kết luận

Tóm lại, nhìn từ khía cạnh nhà văn hay chiến sĩ, Bửu Đình đều để lại những dấu ấn không thể phai mờ trong lịch sử. Mặc dù, vẫn còn hạn chế về mặt nội dung lẫn nghệ thuật, nhưng đặt trong bối cảnh thời điểm giao mùa cũ – mới thì những trang văn của ông đã góp phần cho sự ra

đời của nền văn học mới. Ông đã làm cho bộ mặt tiểu thuyết Việt Nam thêm hoàn chỉnh và đa dạng hơn. Ở giai đoạn bản lề giữa nền văn học cũ và mới, Bửu Đình là một trong những viên gạch quý góp phần dựng xây tòa tháp văn chương Việt Nam hiện đại.

<sup>1</sup> *Tân Thế kỉ*, số 97, 1927.

<sup>2</sup> *Tân Thế kỉ*, số 140, 1927.

<sup>3</sup> *Tân Thế kỉ*, số 7, 1926.

<sup>4</sup> *Tân Thế kỉ*, số 35, 1926.

<sup>5</sup> *Phụ nữ tân văn*, số 254, 1934.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoài Anh (2001), *Chân dung văn học*, Nxb Hội Nhà văn.
2. Hoài Anh, Thành Nguyên, Hồ Sĩ Hiệp (1988), *Văn học Nam Bộ từ đầu đến giữa thế kỉ XX (1900 – 1945)*, Nxb TP HCM.
3. Nguyễn Kim Anh (chủ biên) (2004), *Tiểu thuyết Nam Bộ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.
4. Bằng Giang (1992), *Văn học Quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865-1930*, Nxb Trẻ, TP HCM.
5. Bửu Đình, “Có nên công kích quan lại không”, *Tân Thế kỉ*, số 6/1926, TTK, số 6/1926
6. Bửu Đình, “Dân tộc Việt Nam không phải là một dân tộc hèn”, *Tân Thế kỉ*, số 9/1926.
7. Bửu Đình, “Mấy lời tâm huyết: Đồng bào ta cần phải biết phán đoán”, *Tân Thế kỉ*, số 7/1926.
8. Bửu Đình, “Giọt lệ tri âm”, trường ca, *Tân Thế kỉ*, số 10/16-11-1926 – 41/22-12-1926;
9. Bửu Đình, “Cuộc hành trình từ Sài Gòn ra Huế: Tám tháng ở Huế”, bút kí, *Tân Thế kỉ*, số 9/15-11-1926 – 16/23-11-1926;
10. Bửu Đình, “Việt Nam nhân vật điển ca”, *Tân Thế kỉ*, từ số 48/31-12-1926 – số 49/ 1-1-1927.
11. Hoàng Phủ Ngọc Tường (2004), “Bửu Đình, nhà văn thời khai sáng của văn học quốc ngữ Huế”, *Báo Văn nghệ*, (34), ngày 21-8-2004.
12. Nguyễn Q Thắng (1990), *Tiến trình văn nghệ miền Nam*, Nxb Tổng hợp An Giang.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-11-2013; ngày phản biện đánh giá: 30-12-2013;  
ngày chấp nhận đăng: 19-02-2014)